TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **28**/2021/HNGĐ-ST Ngày: 10 - 03 - 2021. V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Duy Mạnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài và ông Nguyễn Huy Giáp.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phan Thị Hồng Phúc – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 987/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020, về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Trương Đức H, sinh năm 1973.

- ***Bị đơn***: Chị Cù Thị H, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp 4, xã ST, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự đều có vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2020, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trương Đức H trình bày:***

Anh H và chị Cù Thị H tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu vào năm 1999.

Anh H xin ly hôn với chị Cù Thị H vì không còn tình cảm thương yêu dành cho chị Cù Thị H nữa. Theo chị Cù Thị H trình bày thì anh đánh đập, bạo hành thể xác, tinh thần đối với chị rồi thông tin với anh em, bạn bè làm cho anh xấu

hổ, bị bạn bè chê cười, xúc phạm danh dự nhân phẩm song thực tế anh không có đánh đập, chửi bới chị Cù Thị H. Anh không thể chung sống và đoàn tụ với chị Cù Thị H được nữa, đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Cù Thị H.

Về con chung: Anh H, chị Cù Thị H có 02 con chung là Trương Đức H, sinh ngày 20/6/2000 và Trương Thị Hồng H, sinh ngày 05/05/2012; tại đơn khởi kiện và các lần làm việc anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thị Hồng H, sinh ngày 05/5/2012, không yêu cầu chị Cù Thị H phải cấp dưỡng nuôi con. Nhưng sau khi tham khảo ý kiến của cháu Hạnh, tôn trọng ý kiến của con nên anh đồng ý giao cho chị Cù Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thị Hồng H; về cấp dưỡng nuôi con anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Anh cam kết hiện tại vợ chồng không có nợ chung của ai.

**** Tại bản tự khai đề ngày 07/12/2020, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn chị Cù Thị H trình bày ý kiến.***

Chị và anh Trương Đức H tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu vào năm 1999.

Chị thừa nhận giữa chị và anh H có phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, cũng giống như các gia đình khác. Theo chị muốn giải quyết mâu thuẫn thì vợ chồng phải ngồi lại với nhau để trao đổi, giải tỏa. Tuy nhiên, từ khi chị và anh H xảy ra mâu thuẫn đến nay, anh H ở lại cơ quan không về nhà nên chị không có cơ hội trao đổi, giải tỏa cùng anh H. Vì thương con nên chị chấp nhận tất cả để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Nếu vợ chồng ly hôn thì người bị tổn thương đầu tiên là các con, nguy cơ các con hư hỏng là rất lớn. Chị khẳng định chị không thông tin với bất kỳ ai biết chuyện vợ chồng mâu thuẫn để anh H bị xấu hổ, xúc phạm danh dự nhân phẩm. Do đó, chị không đồng ý ly hôn và luôn mong muốn anh H suy nghĩ lại để có quyết định đúng đắn.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Trương Đức H, sinh ngày 20/6/2000 và Trương Thị Hồng H, sinh ngày 05/05/2012; Trường hợp buộc phải ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Thị Hồng H, sinh ngày 05/5/2012, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền cho chị nuôi con.

Tài sản chung: Không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Trương Đức H được ly hôn với chị Cù Thị H. Về con chung: Giao cho chị Cù Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trương Thị Hồng H, sinh ngày 05/05/2012; tạm thời chị Cù Thị H không yêu cầu anh Trương Đức H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho chị Cù Thị H nuôi con nên không xem xét giải quyết. Tài sản chung và nợ chung nguyên đơn khai không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn cũng không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Buộc nguyên đơn phải nộp án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*****:** Anh Trương Đức H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Cù Thị H hiện đang cư trú tại tổ 6, ấp 4, xã ST, huyện TB, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[2] ***Về nội dung vụ án*****:**

2.1. Về yêu cầu xin ly hôn:

Quan hệ hôn nhân giữa anh Trương Đức H và chị Cù Thị H là hôn nhân hợp pháp, vì họ kết hôn tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở nhiều phiên hòa giải kêu gọi đoàn tụ nhưng không thành do anh Trương Đức H không đồng ý đoàn tụ, cương quyết xin ly hôn, chị Cù Thị H không đồng ý ly hôn.

Tại bản tự khai của chị Cù Thị H có nội dung: *Trong thời gian sống chung với anh H, chị Cù Thị H bị anh H đánh đập, chửi bới, anh H không có sự quan tâm, san sẻ với chị*.

Lời khai của cháu Trương Đức H (Là con của anh H, chị Cù Thị H) thể hiện: *Trước đây cha mẹ cháu cũng xảy ra xô xát nhỏ nhưng từ tháng 11/2020 đến nay thì xảy ra mâu thuẫn lớn. Nguyên nhân từ cả hai phía; về phía mẹ cháu: đã có lời lẽ và hành động thái quá đối với ba cháu như đăng tin trên Zalo những bài thơ châm biếm, xúc phạm cha cháu, làm ảnh hưởng rất nhiều đến uy tín, danh dự của cha cháu; về phía cha cháu: có chửi và đánh mẹ cháu*.

Tại đơn xin ly hôn, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa anh H khẳng định: Anh không còn tình cảm thương yêu dành cho chị Cù Thị H nữa.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, anh H và chị Cù Thị H đều thừa nhận giữa họ phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ và tôn trọng nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng anh H, chị Cù Thị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp thuận cho anh H được ly hôn với chị Cù Thị H.

2.2. Về con chung:

Anh H và chị Cù Thị H đã tự nguyện thỏa thuận trường hợp ly hôn giao cho chị Cù Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi con chung Trương Thị Hồng H, sinh ngày 05/5/2012. Mặt khác, cháu Trương Thị Hồng H cũng có nguyện vọng được ở với chị Cù Thị H. Do đó, cần giao cho chị Cù Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trương Thị Hồng H, sinh ngày 05/5/2012 để đảm bảo nguyện vọng chính đáng và việc phát triển toàn diện cho con là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tạm thời chị Cù Thị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền cho chị Cù Thị H nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Anh H không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Cù Thị H cũng không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Anh H khai không có, chị Cù Thị H cũng thống nhất và không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] ***Về án phí sơ thẩm***: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội anh Trương Đức H phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Đức H, cho anh Trương Đức H được ly hôn với chị Cù Thị H.

2. Về con chung: Giao cho chị Cù Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trương Thị Hồng H, sinh ngày 05/5/2012;

Tạm thời, chị Cù Thị H không yêu cầu anh Trương Đức H phải cấp dưỡng tiền cho chị Cù Thị H nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh Trương Đức H.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Đức H phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006170 ngày 26/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh Trương Đức H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS. huyện Trảng Bom;
- UBND xã Bàu Lâm, H. Xuyên Mộc (Số 38 ngày 28/12/1999);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Duy Mạnh